TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SI MA CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tư do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2018
V/v: *"L hôn, tranh chấp về nuôi con khi L hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI - TỈNH LÀO CAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Hồng;
2. Ông Giàng Seo Pao.
- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.
- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Hoàng Dương - Kiểm sát viên.
Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2018/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2018 về việc *"L hôn, tranh chấp về nuôi con khi L hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Chị Hảng Thị L sinh năm 1979.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.
2. Bị đơn: Anh Vàng Seo N sinh năm 1978.
Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai;
Địa chỉ nơi đang chấp hành án: Trại Giam H, Bộ C A – Vắng mặt.
3. Người phiên dịch: Anh Lồ Seo V sinh năm 1977.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2018, biên bản lấy lời khai chị Hảng Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng cho đến nay chị và anh N vẫn không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được 20 năm cho đến

năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị và anh N bất đồng với nhau về quan điểm sống, không thống nhất trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, ngoài ra anh N còn chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác và đã có con chung với nhau, năm 2016 anh N bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy xử phạt tù chung thân. Hiện nay anh N đang chấp hành án phạt tù tại trại giam H, Bộ công an; địa chỉ tại xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái. Việc mâu thuẫn giữa chị và anh N xảy ra đã lâu anh chị đã có thời gian bàn bạc, nói chuyện cùng nhau để khắc phục nhưng đều không có kết quả. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mâu thuẫn xảy ra đã trầm trọng và kéo dài, anh N đang đi chấp hành án phạt tù chung thân nên chị đề nghị Tòa án giải quyết L hôn với anh Vàng Seo N để đảm bảo cuộc sống riêng.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi L hôn: Chị L và anh N có bốn con chung là các cháu Vàng Seo D sinh ngày 09/3/2002, Vàng Seo C sinh ngày 15/6/2005, Vàng Thị L sinh ngày 08/10/2007 và Vàng Thị D sinh ngày 20/11/2009 cả 04 cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường hiện nay đang đi học và do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi L hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 cháu Vàng Seo D, Vàng Seo C, Vàng Thị L và Vàng Thị D không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Những tài liệu, chứng cứ chị L đã nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm bản sao: Giấy chứng minh nhân dân của chị Hảng Thị L; sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Vàng Seo N; giấy khai sinh của chị Hảng Thị L; giấy khai sinh của các cháu Vàng Seo D, Vàng Seo C, Vàng Thị L, Vàng Thị D; đơn xác nhận không Đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng việc làm và thu nhập của chị Hảng Thị L; thông báo tình hình chấp hành án phạt tù đối với Vàng Seo N; sổ thăm gặp phạm nhân và gửi tiền lưu ký.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân anh N trình bày và đề nghị: Anh và chị L về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng cho đến nay anh chị không làm thủ tục Đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi chung sống cùng nhau hạnh phúc được 20 năm, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng với nhau về quan điểm sống, không thống nhất được với nhau trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, năm 2016 anh đã phạm tội mua bán trái phép chất ma túy bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt tù chung thân. Hiện nay anh đang chấp hành án phạt tù tại trại giam H, Bộ công an.Việc mâu thuẫn giữa chị và anh N xảy ra đã lâu và đã có thời gian bàn bạc, nói chuyện cùng nhau để khắc phục nhưng đều không có kết quả. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết L hôn với anh anh nhận thấy tuy vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý L hôn với chị L đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi L hôn: Anh và chị L có bốn con chung là các cháu Vàng Seo D sinh ngày 09/3/2002, Vàng Seo C sinh ngày 15/6/2005,

Vàng Thị L sinh ngày 08/10/2007 và Vàng Thị D sinh ngày 20/11/2009 cả 04 cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường hiện nay đang đi học và do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị L L hôn với nhau về con chung anh đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản, quyền và nghĩa vụ về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn xuất trình để chứng minh cho đề nghị của mình là có căn cứ và hợp pháp: Bị đơn không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân vì các đương sự không có đăng ký kết hôn nên chỉ tiến hành thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về việc nuôi con chung nhưng các đương sự Hảng Thị L và Vàng Seo N vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình về việc nuôi con. Cụ thể:

Chị Hảng Thị L giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp Tòa án giải quyết L hôn anh N đồng ý để chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả bốn cháu Vàng Seo D, Vàng Seo C, Vàng Thị L và Vàng Thị D, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

3.1. Về việc chấp hành luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ và gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát, việc tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, về nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71,72, 81, 82 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa chị Hảng Thị L và anh Vàng Seo N là vợ chồng.

- Về nuôi con khi L hôn: Giao các cháu Vàng Seo D, Vàng Seo C, Vàng Thị L và Vàng Thị D cho chị L được nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. 3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao cho nguyên đơn, bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, do các đương sự không đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân mà chỉ tiến hành thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về việc nuôi con chung. Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập hợp lệ lần thứ nhất cho các đương sự nhưng do bị đơn đang chấp hành án phạt tù nên không thể có mặt tại phiên tòa được do vậy Hội đồng xét xử đã thảo luận và quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 28 tháng 11 năm 2018 và tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Tại phiên tòa ngày 28 tháng 11 năm 2018 nguyên đơn là chị Hảng Thị L đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hảng Thị L và anh Vàng Seo N tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống hạnh phúc được 20 năm cho đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L và anh N bất đồng với nhau về quan điểm sống, không thống nhất trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, năm 2016 anh N bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy, bị xử phạt tù chung thân do vậy chị L mới đề nghị Tòa án giải quyết L hôn với anh N.

Việc yêu cầu L hôn của chị L và việc anh N không nhất trí L hôn do không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đối với vụ kiện này do chị L và anh N không đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải về quan hệ hôn nhận, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị L và anh N là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con khi L hôn*: Quá trình chung sống chị Hảng Thị L và anh Vàng Seo N có 04 con chung là các cháu Vàng Seo D sinh ngày 09/3/2002, Vàng Seo C sinh ngày 15/6/2005, Vàng Thị L sinh ngày 08/10/2007 và Vàng Thị D sinh ngày 20/11/2009 các cháu đều khỏe mạnh phát triển tốt hiện nay đang trực tiếp ở cùng chị L. Sau khi L hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 cháu Vàng Seo D, Vàng Seo C, Vàng Thị L và Vàng Thị D cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh Vàng Seo N trình bày trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị L L hôn thì anh đồng ý để chị L

được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 04 cháu Vàng Seo D, Vàng Seo C, Vàng Thị L và Vàng Thị D, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy chị L là lao động chính trong gia đình làm nghề trồng trọt, chăn nuôi và nấu rượu theo xác nhận của UBND xã nơi chị cư trú thì mức thu nhập bình quân hàng tháng của chị được 4.000.000 đồng, hiện nay cả 04 con chung của chị L và anh N đều đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu Vàng Seo C, Vàng Thị L, Vàng Thị D trình bày trường hợp bố mẹ L hôn thì có nguyện vọng được ở với mẹ còn cháu Vàng Seo D có nguyện vọng trực tiếp ở với bố. Anh N hiện đang chấp hành án phạt tù chung thân. Xét đến quyền lợi về mọi mặt, sự phát triển về thể chất, tinh thần và về lâu dài của con, hơn nữa anh N đang phải chấp hành án tù chung thân nên không thể giao con cho anh N nuôi được mà giao cả 04 cháu Vàng Seo D, Vàng Seo C, Vàng Thị L và Vàng Thị D cho chị Hảng Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục vẫn đảm bảo cho sự phát triển của các cháu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81của Luật hôn nhân và gia đình và các quy định của pháp luật.

[4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi L hôn*:

Chị Hảng Thị L không đề nghị anh N phải cấp dưỡng nuôi con; biên bản hòa giải về việc nuôi con anh Vàng Seo N đồng ý để chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 04 cháu Vàng Seo D, Vàng Seo C, Vàng Thị L và Vàng Thị D, anh không cấp dưỡng nuôi con. Vì anh N đang phải chấp hành án phạt tù chung thân và không có tài sản chung, chị L có việc làm và thu nhập nên không buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con vẫn đảm bảo cho sự phát triển của các cháu.

[5] *Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị Hảng Thị L và anh Vàng Seo N không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Chị Hảng Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử không công nhận chị Hảng Thị L và anh Vàng Seo N là vợ chồng.

2. *Về nuôi con sau khi L hôn*: Giao các cháu Vàng Seo D sinh ngày 09/03/ 2002, Vàng Seo C sinh ngày 15/6/2005, Vàng Thị L sinh ngày 08/10/2007 và Vàng Thị D sinh ngày 20/11/2009 cho chị Hảng Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu Vàng Seo D, Vàng Seo C, Vàng Thị L và Vàng Thị D đủ 18 tuổi. Anh Vàng Seo N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi L hôn anh Vàng Seo N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*:

Chị Hảng Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003722 ngày 29/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai. Chị L đã nộp đủ tiền án phí;

4. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKS ND H. Si Ma Cai (2);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện S;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bình Trọng